TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH71600032	Phan Thị Ngọc	Bích	D16_KD01																			5.73	4.15	0.00	3.29	3.26		5.65	5.84	5.50	4.71	5.27	101/123	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
2	DH71500655	Nguyễn Tiến	Đạt	D16_KD01																4.44	3.95		5.00	0.81		5.43	4.23		5.48	6.92	7.50	7.27	5.44	121/123	49/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
3	DH71600172	Phan Hồng	Lam	D16_KD01																			5.93	5.55		5.29	4.64		4.00	4.95		5.45	5.27	92/123	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
4	DH71501057	Đinh Nguyễn Bảo	Lâm	D16_KD01																5.94	4.73		2.16			3.00	0.44		0.00	2.70	1.67	0.13	2.54	36/123	14/46	CB_BTH_3	NoHP	KoDKMH	BTH	DH15
5	DH71600042	Trần Thùy Kim	Loan	D16_KD01																			6.13	5.95	7.00	5.53	5.23		5.50	5.67	5.67	5.74	5.98	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
6	DH71500503	Nguyễn Dương Thảo	Nhi	D16_KD01																6.67	4.27		4.74	5.05	7.00	2.86	1.92	3.33		5.76	6.00	6.00	5.61	115/123	43/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
7	DH71600173	Trịnh Quỳnh	Như	D16_KD01																			5.93	4.95		4.76	3.78		0.39	5.21	3.50	3.82	4.28	63/123	24/46	CCHV_3	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
8	DH71501635	Lý Tiểu	Oanh	D16_KD01																5.56	4.13		2.09			3.64	3.56		1.50	4.50	5.00	0.47	3.58	50/123	18/46	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	BTH	DH15
9	DH71600043	Dương Hoàng	Phong	D16_KD01																			6.00	5.50		4.71	3.77		4.50	5.38	5.33	6.35	5.52	111/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
10	DH71501034	Mai Thị Kim	Sang	D16_KD01																5.28				5.00		5.57	4.05		5.14	5.81	6.00	5.13	5.60	111/123	41/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
11	DH71600245	Phạm Thị Thu	Thùy	D16_KD01																			6.80	6.50		6.65	5.74		6.17	6.84		6.94	6.50	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
12	DH71500928	Phạm Trí	Thức	D16_KD01																5.64	3.85	2.00	1.53	2.63		3.17	3.74		5.33	5.05	6.50	6.68	4.84	95/123	37/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
13	DH71509008	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	D16_KD01																			5.13	5.88		5.78	4.37		5.67	5.79	6.00	5.88	5.86	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
14	DH71600341	Huỳnh Ngọc	Trâm	D16_KD01																			7.13	6.95		6.71	7.26		7.17	7.58		7.25	7.15	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
15	DH71600383	Vương Thị Mỹ	Trâm	D16_KD01																			6.53	5.60		5.12	5.37		6.13	6.76		6.00	6.11	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
16	DH71600101	Trần Phương	Trinh	D16_KD01																			6.33	5.70		4.75	5.09		5.67	5.88	6.50	5.67	5.88	110/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
17	DH71600052	Tăng Thanh	Trúc	D16_KD01																			7.20	6.20		5.53	5.37		5.88	6.05	7.00	6.21	6.25	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
18	DH71600016	Nguyễn Đình	Trung	D16_KD01																			7.13	6.65		6.18	5.84		6.33	7.33	8.50	7.19	6.94	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
19	DH71600064	Huỳnh Thị Hồng	Vân	D16_KD01																			5.60	5.75		5.82	5.47		6.14	7.00		6.50	6.24	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
20	DH71509007	Lê Thị Thu	Vân	D16_KD01																			3.18	3.75	0.00	3.79	5.53	6.00	5.78	6.37		6.46	6.14	116/123	43/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
21	DH71501017	Nguyễn Bảo Anh	Vy	D16_KD01																5.56				3.15		3.65	4.27		4.00	4.53		5.45	4.56	75/123	28/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
22	DH71600551	Phạm Phi	An	D16_KD02																			5.07	4.15		5.19	4.54		4.61	5.79	4.50	4.52	5.35	103/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
23	DH71601960	Nguyễn Thị Lan	Anh	D16_KD02																			6.33	5.35		5.76	5.27		6.91	6.86	8.00	7.00	6.50	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
24	DH71600469	Võ Thị Bích	Cầm	D16_KD02																			6.80	5.65		4.75	4.95		6.00	6.62	6.00	5.94	6.26	117/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
25	DH71600419	Lương Thiện Đức	Duy	D16_KD02																			7.07	6.70		5.18	4.84	4.00	6.00	6.44	7.50	6.63	6.60	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
26	DH71600591	Huỳnh Trúc	Giang	D16_KD02																			7.13	6.25		6.76	5.11		6.83	7.48	8.00	7.06	6.82	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
27	DH71601724	Nguyễn Thị Hoàng	Giao	D16_KD02																			7.53	7.85		7.24	6.42		6.50	6.64		7.19	7.10	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
28	DH71602486	Lê Thị Ngọc	Giàu	D16_KD02																			7.07	7.10		6.35	5.79		6.33	6.09		6.69	6.52	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
29	DH71600491	Lê Thị Quỳnh	Hương	D16_KD02																			8.00	7.45	9.00	7.10	6.37		8.00	8.00		7.75	7.57	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
30	DH71600409	Nguyễn Thị Bích	Liên	D16_KD02																			5.53	5.80		5.65	5.23		5.33	6.00	6.00	5.77	6.05	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
31	DH71602868	Nông Thị	Luyến	D16_KD02																			5.87	4.65	5.00	3.76	5.28	7.13	5.83	6.96	4.00	6.47	6.22	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
32	DH71601516	Võ Thị	Ngọc	D16_KD02																			7.20	4.80		4.59	3.77		5.38	6.04	6.00	5.41	5.87	115/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
33	DH71600427	Lê Thị Trúc	Nhi	D16_KD02																			6.60	5.25		5.41	5.05		5.00	5.46	6.00	5.44	5.66	112/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
34	DH71602076	Lê Thị Yến	Nhi	D16_KD02																			5.87	4.90		4.18	5.47		5.17	5.65	5.00	5.31	5.54	104/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
35	DH71600391	Mai Yến	Nhi	D16_KD02																			5.53	5.10		4.41	3.95	1.00	3.63	3.71	6.00	4.00	4.95	89/123	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
36	DH71600583	Đỗ Thị Hoàng	Oanh	D16_KD02																			7.40	6.35		6.47	5.68		7.33	6.70	7.00	7.50	6.81	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
37	DH71600355	Huỳnh Tấn	Phong	D16_KD02																			6.53	6.75		5.59	5.41		5.83	5.79	5.00	5.88	6.10	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
38	DH71601683	Nguyễn Hồng	Phước	D16_KD02																			8.33	6.55		5.82	5.37		5.14	6.09	6.00	6.06	6.32	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
39	DH71601773	Ngô Trần Tố	Quyên	D16_KD02																			7.93	7.10		6.71	6.41		6.33	7.25	9.00	7.16	7.19	126/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
40	DH71600578	Tăng Thị Trúc	Quỳnh	D16_KD02																			6.27	6.05		4.76	5.21	5.00	6.17	6.29	5.00	5.31	5.84	117/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
41	DH71600360	Huỳnh Thanh	Sơn	D16_KD02																			7.20	6.55		6.47	5.74	4.00	6.50	6.32	7.00	7.19	6.60	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
42	DH71600397	Huỳnh Lê Ngọc	Thảo	D16_KD02																			6.60	5.95		5.53	5.77		6.00	6.54	7.00	6.88	6.38	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
43	DH71600929	Võ Phương	Thảo	D16_KD02																			7.07	6.80		6.00	6.21	7.00	6.17	6.72	6.00	7.19	6.72	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
44	DH71601969	Hồ Thị Xuân	Thúy	D16_KD02																			6.20	5.50	7.00	5.18	3.72		5.50	5.06		6.21	5.77	113/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
45	DH71601895	Lê Phạm Anh	Thư	D16_KD02																			6.73	6.70		6.29	6.11		5.33	6.00	3.00	6.05	6.24	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
46	DH71601522	Nguyễn Thị	Thương	D16_KD02																			7.07	6.20		5.94	5.84	5.00	5.67	6.17	2.00	6.68	6.31	120/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
47	DH71600461	Trần Thị Ngọc	Tiến	D16_KD02																			5.80	5.85		5.75	5.64		6.00	6.48	7.50	7.79	6.55	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
48	DH71600576	Võ Thị Hiền	Trang	D16_KD02																			7.40	6.50		6.65	5.74		7.67	7.87	8.00	8.44	7.34	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
49	DH71600535	Phạm Nguyễn Hoàng	Trinh	D16_KD02																			7.60	6.10		6.24	6.63	7.00	6.71	6.40		7.00	6.77	120/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
50	DH71600398	Trần Thị Bích	Tuyền	D16_KD02																			6.40	5.55		6.12	3.86		5.50	6.87	6.00	6.60	6.26	120/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
51	DH71600385	Nguyễn Xuân Tú	Uyên	D16_KD02																			6.60	6.05		5.41	5.26	2.00	6.00	6.38	6.00	6.50	6.27	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
52	DH71601984	Phan Thị Thúy	Vy	D16_KD02																			6.93	6.45		6.06	5.79		5.14	4.90	4.00	5.89	5.92	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
53	DH71602009	Trần Thị Kim	Xuyến	D16_KD02																			8.00	6.10		5.94	5.00		4.43	6.09	6.50	6.05	6.27	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
54	DH71601780	Hà Thị Minh	Anh	D16_KD03																			6.80	6.20		7.18	5.53		6.33	6.86	7.00	6.18	6.58	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
55	DH71602640	Nguyễn Thị Huyền	Anh	D16_KD03																			6.07	6.05		4.29	4.32		4.72	5.83	5.00	4.96	5.60	104/123	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
56	DH71600083	Tạ Thị Quỳnh	Anh	D16_KD03																			6.13	5.10		4.12	5.27	6.00	6.00	5.90		6.33	5.85	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
57	DH71602771	Đỗ Thụy Uyên	Chi	D16_KD03																			5.87	5.60		4.94	5.59	6.00	6.00	5.00		6.52	5.89	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
58	DH71601310	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D16_KD03																			7.33	7.30		6.59	6.16		6.83	7.24		6.18	6.88	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
59	DH71601083	Nguyễn Viết	Đạt	D16_KD03																			7.13	6.30		6.29	5.32		6.00	6.00	6.00	6.00	6.17	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
60	DH71603357	Phan Thị Thanh	Hà	D16_KD03																			6.93	5.95		4.53	5.23	5.00	6.00	6.00		6.00	6.02	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
61	DH71600994	Lê Minh	Hiếu	D16_KD03																			5.47	5.65		5.65	4.89		6.00	6.46		5.19	5.82	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
62	DH71602576	Liễng Thị	Hoa	D16_KD03																			6.93	6.85		5.88	6.23	6.00	6.33	6.33		6.81	6.58	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
63	DH71600240	Trần Thị Ngọc	Huyền	D16_KD03																			5.40	4.70		4.88	5.24		4.89	5.44	5.33	4.63	5.39	110/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
64	DH71600166	Lê Quốc	Khang	D16_KD03																			5.27	3.20	0.00	2.71	2.83	3.67	3.70	3.12	0.00	3.00	3.96	64/123	24/46	CB_BTH_3	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
65	DH71600334	Phan Hồng Tuấn	Kiệt	D16_KD03																			5.67	5.20	6.00	3.82	4.55		4.33	5.64	3.67	5.41	5.30	107/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
66	DH71603495	Bùi Thanh	Lâm	D16_KD03																			5.53	4.40	5.00	3.76	4.56		4.17	4.24	3.67	4.52	4.89	94/123	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
67	DH71602195	Lưu Thị Mi	Mi	D16_KD03																			7.87	7.55		7.18	6.32		6.67	6.53		6.90	7.05	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
68	DH71603345	Trần Nguyễn Thanh	Nam	D16_KD03																			5.53	5.35	9.00	4.06	4.77		4.90	5.63		6.13	5.29	91/123	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
69	DH71603312	Nguyễn Mai Kim	Ngân	D16_KD03																			6.67	5.70		5.47	6.09		5.67	5.65	5.00	6.13	6.09	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
70	DH71603412	Phùng Diệu Kim	Ngôn	D16_KD03																			5.40	4.50		4.35	4.92		4.38	5.52	4.67	5.23	5.33	98/123	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
71	DH71600570	Phạm Thị Yến	Nhi	D16_KD03																			6.47	5.95		5.35	6.00		5.86	5.36		5.06	5.89	115/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
72	DH71600300	Phan Thúy	Nhi	D16_KD03																			6.53	5.40		4.88	4.32	6.00	5.17	5.23	5.00	4.68	5.54	104/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
73	DH71602192	Thái Thị Thanh	Nhi	D16_KD03																			6.27	5.50	9.00	5.53	4.95		5.17	5.45	4.50	4.36	5.56	108/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
74	DH71603150	Thái Nguyễn Hạo	Nhiên	D16_KD03																			7.87	5.85		5.71	6.32	0.00	6.67	6.63	8.00	7.00	6.85	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
75	DH71600867	Trương Kim	Phụng	D16_KD03																			5.67	5.35	0.00	4.65	4.95		5.38	5.36	5.50	4.83	5.45	111/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
76	DH71602870	Nguyễn Thị Tuyết	San	D16_KD03																			5.73	5.05	7.00	4.76	6.18	5.00	6.17	5.00		5.31	5.64	114/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
77	DH71603716	Tô Bảo	Thành	D16_KD03																			6.33	5.95		5.82	4.44		4.83	3.88	4.00	4.38	5.58	102/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
78	DH71603488	Trần Anh	Thơ	D16_KD03																			7.00	4.80		4.06	4.82		5.11	5.52	5.00	5.16	5.60	108/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
79	DH71603439	Nguyễn Thanh	Thư	D16_KD03																			6.20	5.70		5.06	5.50	6.00	6.50	5.89		6.81	6.07	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
80	DH71602177	Lê Thị Thanh	Trà	D16_KD03																			6.67	6.35		5.94	5.68		7.05	7.22		7.88	6.72	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
81	DH71602806	Hồ Thị Ngọc	Trâm	D16_KD03																			6.60	5.35		5.65	5.73	7.00	6.50	6.24		6.25	6.24	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
82	DH71600313	Lê Thị	Trúc	D16_KD03																			6.73	5.70		5.65	5.47	7.00	5.83	6.74	6.00	6.79	6.27	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
83	DH71600306	Ngô Thùy	Tuyên	D16_KD03																			6.60	5.55		4.47	4.91	6.00	6.25	5.53		5.63	5.88	113/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
84	DH71601925	Nguyễn Thị Thanh	Vy	D16_KD03																			8.33	7.50		6.94	5.74		6.83	7.52		6.35	7.09	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
85	DH71601977	Huỳnh Minh	ý	D16_KD03																			7.13	6.90		6.53	6.68		7.17	7.26	6.00	6.75	7.02	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
86	DH71600326	Lại Thị Ngọc	Yến	D16_KD03																			6.53	5.10		4.24	4.18	5.00	5.43	5.86	7.00	5.68	5.73	108/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
87	DH71601313	Huỳnh Nguyễn Quế	Anh	D16_KD04																			6.27	6.25		5.65	5.63		5.50	5.95	6.00	6.35	6.03	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
88	DH71602145	Tô Trọng Hiếu	Bằng	D16_KD04																			6.33	5.20		4.76	4.95		5.33	5.95	5.00	3.00	5.38	98/123	36/46	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
89	DH71604127	Nguyễn Kim	Duyên	D16_KD04																			8.00	7.50		5.88	6.05	7.00	6.50	6.68		7.94	6.98	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
90	DH71501653	Trần Thị Mỹ	Duyên	D16_KD04																5.89	4.93	6.00				5.29	5.18		5.30	5.16		5.32	5.74	113/123	42/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
91	DH71602729	Trần Thị Ngân	Hà	D16_KD04																			6.20	6.40		6.00	5.26		6.83	7.32	7.00	6.31	6.52	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
92	DH71602717	Trần Quốc	Hào	D16_KD04																			6.27	5.15		5.41	4.18		2.67	6.15	7.50	5.55	5.35	94/123	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
93	DH71601499	Lâm Gia	Hân	D16_KD04																			6.47	6.90		6.29	5.50		6.57	6.09		6.63	6.47	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
94	DH71601159	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D16_KD04																			6.87	6.75		6.47	5.74		6.00	6.26	5.00	6.11	6.43	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
95	DH71603478	Đỗ Thị Thanh	Hoa	D16_KD04																			6.33	6.20		6.00	6.00		6.33	6.68	8.00	6.00	6.39	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
96	DH71600808	Huỳnh Tấn	Huy	D16_KD04																			6.00	5.20		4.82	4.83	6.00	5.71	6.13	7.00	7.31	6.09	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
97	DH71601082	Ngô Thị Ngọc	Hương	D16_KD04																			6.73	5.65		6.47	5.83	6.00	6.50	5.95		7.24	6.45	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
98	DH71601067	Nguyễn Thanh	Hương	D16_KD04																			6.53	5.05		5.24	4.91	7.00	5.50	6.21	7.00	6.25	6.18	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
99	DH71601197	Võ Thanh	Long	D16_KD04																			6.00	6.10		4.24	4.95	6.00	6.50	6.40	6.50	0.96	5.38	101/123	37/46	CCHV_1	NoHP	DKMH	DC	DH16
100	DH71602678	Võ Thùy	Ngân	D16_KD04																			7.27	7.15		7.71	6.11		7.67	7.68		7.94	7.43	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
101	DH71601050	Nguyễn Văn	Nghĩa	D16_KD04																			6.20	6.20		5.47	6.37	7.00	7.00	6.55		7.18	6.52	126/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
102	DH71601547	Đặng Thị Hiền	Ngọc	D16_KD04																			6.60	6.80			6.42		7.23	7.78		8.70	7.43	117/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
103	DH71602869	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	D16_KD04																			6.80	7.20		7.29	6.89		7.33	8.33		8.41	7.47	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
104	DH71601374	Lê Thúy	Như	D16_KD04																			6.87	7.10		7.18	6.45		7.33	6.42		8.06	7.08	126/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
105	DH71602939	Trịnh	Phúc	D16_KD04																			7.67	6.90		7.47	6.47		6.50	6.79		7.00	6.94	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
106	DH71600534	Cao Hoàng	Quyên	D16_KD04																			6.00	5.85		5.12	5.32		6.17	6.27	7.00	7.00	6.18	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
107	DH71602665	Nguyễn Ngọc	Sơn	D16_KD04																			5.33	5.40		5.67	4.95	0.00	6.17	6.61	6.00	6.30	6.11	124/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
108	DH71603265	Nguyễn Thái	Sơn	D16_KD04																			6.67	5.95		5.29	5.00		5.50	6.18	7.00	6.68	6.14	116/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
109	DH71601213	Tăng Nhân	Tâm	D16_KD04																			5.13	4.00	8.00	6.12	6.00	8.00	6.25	6.48	7.00	6.35	6.41	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
110	DH71600137	Nguyễn Thị Bích	Thảo	D16_KD04																			6.40	5.25		6.24	5.09		6.50	7.00	6.00	6.06	6.22	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
111	DH71601334	Phạm Thị Phương	Thảo	D16_KD04																			6.40	5.30		4.94	5.76		5.38	5.84	7.00	7.44	6.15	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
112	DH71601112	Trần Đình	Thế	D16_KD04																			5.33	5.15		5.29	5.96	7.00	6.00	5.95	5.00	6.44	6.02	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
113	DH71601088	Lê Thị Ngọc	Thùy	D16_KD04																			5.93	5.15		3.65	6.05	5.00	5.17	5.58	6.00	5.58	5.67	120/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
114	DH71601117	Lê Thị Cẩm	Tiên	D16_KD04																			8.13	7.00		5.47	6.58	8.00	7.00	6.68		7.63	6.99	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
115	DH71603369	Nguyễn Thị Quyền	Trang	D16_KD04																			7.20	6.70		7.53	6.76		7.90	8.10		8.76	7.72	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
116	DH71601248	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D16_KD04																			6.47	6.10		5.82	6.18	7.00	6.17	6.57		7.19	6.53	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
117	DH71603291	Trần Thị Huệ	Trân	D16_KD04																			7.27	6.90		5.47	6.58	8.00	7.00	6.47		7.56	6.85	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
118	DH71601043	Nguyễn Ngọc	Trinh	D16_KD04																			6.40	6.55		6.45	6.11		7.00	7.00		7.88	6.81	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
119	DH71601065	Lê Quang	Trung	D16_KD04																			7.13	5.80		6.24	6.26	8.00	6.83	6.40	6.00	6.71	6.69	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
120	DH71601145	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	D16_KD04																			6.87	7.15		6.82	6.63		7.50	7.89		7.69	7.22	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
121	DH71601227	Trần Hoàng Khánh	Vy	D16_KD04																			6.27	6.50		4.53	6.11	6.50	6.17	6.21		7.13	6.32	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
122	DH71600797	Hứa Lập	An	D16_KD05																			6.87	6.50		4.71	5.32	6.00	6.17	6.11	7.00	7.55	6.56	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
123	DH71603823	Hoàng Tuấn	Anh	D16_KD05																			7.00	6.05		5.41	5.00	4.00	5.17	5.83	0.00	3.91	5.59	98/123	37/46	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
124	DH71601055	Lê Vũ Ngọc	Anh	D16_KD05																			6.13	5.75		5.65	4.74		5.33	6.27	4.50	5.75	5.84	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
125	DH71601072	Đinh Thị Huyền	Chi	D16_KD05																			7.87	5.80		6.18	6.68		7.50	6.89		7.32	6.90	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
126	DH71600196	Nguyễn Nhật Bảo	Diễm	D16_KD05																			7.73	6.55		6.71	6.95		6.50	6.79		7.59	6.94	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
127	DH71603911	Huỳnh Lê Anh	Đức	D16_KD05																			6.33	2.55		4.18	4.32	5.50	5.67	5.89	5.50	5.41	5.19	102/123	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
128	DH71603682	Huỳnh Nguyễn Thiện	Hòa	D16_KD05																			6.67	5.40		4.47	4.32	5.00	4.67	5.16		6.18	5.42	104/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
129	DH71600850	Nguyễn Thị Phương	Khanh	D16_KD05																			5.47	4.00		3.70	3.00	4.00	4.44	4.40	4.67	5.54	4.82	79/123	29/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
130	DH71600792	Bùi Thị Yến	Linh	D16_KD05																			7.27	5.30	7.00	6.65	5.84		6.50	6.05	5.60	6.24	6.30	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
131	DH71603604	Đỗ Huỳnh Thảo	Linh	D16_KD05																			5.73	5.50		4.53	3.89	3.60	4.14	5.74	3.67	6.00	5.40	110/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
132	DH71600875	Phạm Ngọc	Linh	D16_KD05																			6.13	6.60	8.00	8.29	7.00		7.67	5.95		7.94	7.18	115/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
133	DH71603871	Trần Thị Chúc	Linh	D16_KD05																			6.27	6.75		7.59	6.47		7.17	7.37		6.29	6.86	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
134	DH71604057	Lâm Hữu	Lợi	D16_KD05																			6.67	5.60		5.88	5.58	7.00	6.33	7.00		7.06	6.36	126/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
135	DH71603919	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	D16_KD05																			5.53	5.30		3.88	5.00	0.60	5.71	5.83	7.00	6.91	5.90	117/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
136	DH71601105	Nguyễn Khanh Tuyết	Minh	D16_KD05																			6.07	5.95	7.00	6.35	6.37		6.17	6.53	6.00	6.59	6.43	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
137	DH71600995	Trần Thị	Mỹ	D16_KD05																			5.40	6.50	9.00	5.00	5.32	5.00	5.67	5.63	0.00	5.61	5.86	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
138	DH71600482	Tạ Vũ Mỹ	Ngọc	D16_KD05																			6.53	4.85		4.88	4.11	0.00	5.25	5.13	5.33	5.38	5.44	101/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
139	DH71600672	Tạ Lệ	Nhi	D16_KD05																			5.67	5.90	0.00	5.53	4.84	8.00	5.14	5.14	4.67	6.06	5.66	113/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
140	DH71603933	Trần Huệ	Nhi	D16_KD05																			7.20	6.65		6.94	6.84		7.17	7.32		6.89	7.06	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
141	DH71600967	Phạm Ngọc	Tài	D16_KD05																			6.07	5.15		4.88	5.14	0.00	5.20	6.41	5.67	6.41	5.97	121/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
142	DH71600389	Đàm Thị Khánh	Tâm	D16_KD05																			7.13	5.95		6.12	5.47	7.00	5.67	6.11	6.00	6.47	6.22	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
143	DH71603983	Phùng Thị Anh	Thư	D16_KD05																			6.40	5.25		5.65	4.37	7.00	5.00	6.22	6.00	6.16	5.85	115/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
144	DH71602347	Bùi Thị Thùy	Trang	D16_KD05																			6.80	5.25		5.24	4.95	7.00	5.29	5.79	5.50	6.64	6.10	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
145	DH71601223	Nguyễn Mỹ	Trinh	D16_KD05																			6.13	5.70		5.29	5.42	5.00	5.67	6.15	6.00	7.68	6.18	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
146	DH71604080	Nguyễn ánh	Tuyết	D16_KD05																			6.73	5.35		5.94	5.68	7.00	6.29	7.09	7.00	6.82	6.52	126/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
147	DH71603889	Nguyễn Trần Thúy	Vy	D16_KD05																			6.40	5.75		5.53	5.21	6.00	5.71	6.73	6.50	6.09	6.28	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
148	DH71604142	Huỳnh Trí	Cường	D16_KD06																			5.53	4.80		3.71	2.36		0.43	3.00	6.00	5.71	4.05	69/123	26/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
149	DH71603807	Lê Phạm Phương	Dung	D16_KD06																			6.20	5.90	0.00	5.82	5.37	5.00	7.00	6.53	6.00	7.58	6.46	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
150	DH71602163	Nguyễn Trần Bảo	Duy	D16_KD06																			6.80	5.70		4.94	4.89	5.00	5.17	5.95	5.50	5.40	5.71	115/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
151	DH71602892	Nguyễn Thị	Hiệp	D16_KD06																			7.93	8.00		7.82	7.42		8.00	7.63		8.19	7.85	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
152	DH71602124	Phạm Thành	Hưng	D16_KD06																			5.40	5.30		4.41	4.68		1.63	4.04		3.26	4.29	74/123	28/46	CCHV_2	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
153	DH71601999	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	D16_KD06																			7.60	5.75		6.18	6.74		6.67	7.30		7.59	6.87	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
154	DH71602067	Lê Thị	Lệ	D16_KD06																			6.27	5.25		4.94	5.10	6.40	6.83	6.67	8.00	7.20	6.43	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
155	DH71602057	Bùi ánh	Linh	D16_KD06																			8.27	7.35		6.88	6.95	7.00	7.33	7.85		7.50	7.50	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
156	DH71603302	Huỳnh Nhật	Linh	D16_KD06																			6.60	6.30		5.76	5.11		6.17	6.53	6.50	7.32	6.45	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
157	DH71603831	Vũ Ngọc	Ly	D16_KD06																			5.93	4.30	0.00	3.41	4.77	3.50	4.86	5.46	4.50	5.79	5.43	114/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
158	DH71600807	Lục Thiên	Lý	D16_KD06																			6.13	5.10		3.41	3.26		4.25	5.25	5.36	5.36	5.21	88/123	32/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
159	DH71601698	Trần Nhựt	Minh	D16_KD06																			7.20	5.90		4.82	3.32		3.67	5.26		0.00	4.33	74/123	28/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
160	DH71603613	Lê Thanh	Ngân	D16_KD06																			6.93	6.75		6.47	6.42	6.00	7.00	7.05		7.35	6.90	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
161	DH71603847	Phạm Thùy Kim	Ngân	D16_KD06																			6.73	5.60		5.12	4.58	0.00	0.17	5.74	7.88	5.64	5.29	101/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
162	DH71601572	Phạm Bích	Ngọc	D16_KD06																			6.67	5.80		5.12	5.05		5.71	6.14	6.00	7.06	6.10	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
163	DH71601275	Huỳnh Bửu	Nhi	D16_KD06																			6.60	5.05	6.00	5.24	5.47	6.20	6.00	6.57	6.00	6.41	6.23	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
164	DH71602407	Trần Mỹ	Nhi	D16_KD06																			6.47	6.10		4.24	0.84			5.84		5.40	4.89	76/123	29/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
165	DH71602240	Từ Cẩm	Nhung	D16_KD06																			7.00	5.30		4.71	4.53		5.39	5.88	5.00	5.61	5.79	120/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
166	DH71600170	Mai Tấn	Phát	D16_KD06																			5.87	4.15		3.47	0.08		1.89	0.36		1.56	2.51	28/123	11/46	CB_BTH_2	NoHP	KoDKMH	BTH	DH16
167	DH71601771	Lý Minh	Phước	D16_KD06																			6.73	5.05		5.24	5.05		6.17	6.72		7.13	5.96	101/123	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
168	DH71602276	Nguyễn Minh Trúc	Phương	D16_KD06																			7.00	6.25		5.35	4.95	6.00	5.50	6.32	4.00	5.81	6.26	116/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
169	DH71603724	Lâm Từ	Quân	D16_KD06																			5.40	4.25	5.00	4.18	4.12	0.00	3.00	3.61	3.00	4.64	4.46	74/123	28/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
170	DH71602171	Nguyễn Phạm Ngọc	Quyên	D16_KD06																			6.40	5.15		4.24	4.63	6.00	5.43	6.00	6.00	5.71	5.67	113/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
171	DH71603957	Đinh Thị Phương	Quỳnh	D16_KD06																			6.87	5.00		5.00	4.89	6.40	5.33	5.67	7.00	6.14	5.97	119/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
172	DH71601558	Nguyễn Hồng	Sơn	D16_KD06																			7.13	5.25		4.24	4.76		4.71	6.29	5.33	6.48	6.07	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
173	DH71603683	Nguyễn Trương Minh	Tâm	D16_KD06																			7.53	7.65		7.29	7.37		7.33	7.05		8.19	7.48	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
174	DH71603343	Dương Nguyễn Anh	Thư	D16_KD06																			6.73	5.25		5.12	4.16	0.00	4.50	6.54	6.33	6.64	6.18	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
175	DH71601864	Nguyễn Thị Anh	Thư	D16_KD06																			7.67	6.45		5.76	6.16		6.38	6.89	8.00	7.19	6.82	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
176	DH71601991	Võ Lâm Hồng	Thương	D16_KD06																			6.07	5.10	6.00	4.65	5.63		5.13	6.27	5.00	6.16	6.04	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
177	DH71601998	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D16_KD06																			7.20	6.30		5.47	5.89	7.00	5.43	6.11	6.00	7.12	6.37	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
178	DH71603731	Huỳnh Ngọc Bích	Trâm	D16_KD06																			6.27	6.00		5.82	5.79	6.00	7.17	7.09		7.13	6.58	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
179	DH71602279	Nguyễn Thị Phương	Trinh	D16_KD06																			7.27	6.15		5.76	5.26		6.67	6.68	5.00	6.79	6.45	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
180	DH71602398	Võ Thị Yến	Trinh	D16_KD06																			7.67	6.50		5.88	6.53	6.00	6.67	6.56		7.59	6.81	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
181	DH71601192	Nguyễn Đức	Trọng	D16_KD06																			6.33	4.60		4.59	5.05	6.20	5.50	5.96	6.50	6.11	5.95	119/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
182	DH71602278	Roãn Thị Thanh	Trúc	D16_KD06																			6.87	6.40		6.18	5.63		7.00	6.95	6.00	7.44	6.69	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
183	DH71604112	Mai Thị Ngọc	Tuyền	D16_KD06																			7.60	6.20		6.12	5.84	7.00	6.50	6.79		6.75	6.58	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH71600210	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	D16_MAR01																			5.93	5.90		4.29	4.77		5.40	6.89	6.00	6.47	6.15	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
2	DH71600706	Trần Lê Ngọc	Cẩm	D16_MAR01																			5.47	5.75		4.52	3.74		4.75	5.52	5.50	5.95	5.47	111/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
3	DH71600254	Nguyễn Trần Mỹ	Diệu	D16_MAR01																			7.00	6.25		6.76	5.55		5.67	6.55	5.50	7.00	6.59	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
4	DH71602298	Lê Lâm Mỹ	Duyên	D16_MAR01																			7.20	5.85		6.59	6.52		5.50	6.13	4.40	5.18	6.32	112/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
5	DH71600885	Lưu Mỹ	Duyên	D16_MAR01																			7.27	6.30		6.18	6.26		6.67	7.05	5.00	6.47	6.66	121/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
6	DH71600948	Nguyễn Thúy	Hằng	D16_MAR01																			7.13	6.85		6.47	6.16		5.83	7.53	8.50	6.65	6.87	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
7	DH71600836	Đặng Huệ	Hân	D16_MAR01																			5.60	5.10	7.00	4.95	5.00		4.83	5.73	5.33	5.35	5.64	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
8	DH71603838	Nguyễn Đoàn Bảo	Hân	D16_MAR01																			5.87	5.55	9.00	5.06	5.37		5.29	6.27	6.50	7.15	6.18	127/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
9	DH71600611	Trần Thị Kim	Hiếu	D16_MAR01																			6.47	6.50		5.82	5.74		6.00	6.81		7.18	6.44	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
10	DH71600625	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	D16_MAR01																			5.47	5.20		4.12	4.95		4.63	6.44	5.67	5.17	5.60	121/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
11	DH71601276	Nguyễn Ngọc	Huy	D16_MAR01																			5.87	5.10		5.53	4.83		4.43	6.14	5.50	5.10	5.76	117/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
12	DH71603703	Huỳnh Thị Ngọc	Hương	D16_MAR01																			5.80	5.75		4.38	4.16		4.78	5.79	7.50	6.96	5.95	117/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
13	DH71609015	Lâm Hoàng	Khải	D16_MAR01																						4.50	5.05		4.20	5.05	6.33	5.50	5.89	103/124	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
14	DH71600670	Cao Hoàng Trúc	Linh	D16_MAR01																			6.60	7.15		6.24	6.42		6.17	6.00	6.00	6.47	6.58	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
15	DH71603085	Nguyễn Thị	Linh	D16_MAR01																			7.47	6.80		6.65	5.89		6.75	7.90		8.38	7.06	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
16	DH71600572	Nguyễn Hữu	Lộc	D16_MAR01																			5.93	6.20		4.71	5.32		5.71	6.75	6.50	6.29	6.24	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
17	DH71600282	Nguyễn Thị Hồng	Màu	D16_MAR01																			6.33	5.80		5.94	4.95		4.43	5.72	5.00	5.74	5.87	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
18	DH71600145	Trần Nguyễn Khánh	Ngân	D16_MAR01																			6.67	5.60		5.18	5.14		4.43	6.10	6.00	5.74	5.85	119/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
19	DH71600400	Nguyễn Tâm Minh	Nguyệt	D16_MAR01																			6.67	5.60		5.00	4.88		4.88	5.89	5.00	6.24	6.05	117/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
20	DH71600302	Lăng Hoàng	Nhi	D16_MAR01																			6.13	5.40		5.59	5.20		4.14	5.77	6.00	6.35	5.93	116/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
21	DH71603664	Lê Thị Tiết	Nhi	D16_MAR01																			6.20	6.05		5.59	4.92		5.00	6.81	6.00	6.94	6.41	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
22	DH71600053	Nguyễn Phan Tuyết	Nhi	D16_MAR01																			5.80	5.60		5.82	5.23		4.83	5.76	5.00	6.20	5.92	125/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
23	DH71600075	Võ Huỳnh Khánh	Như	D16_MAR01																			5.53	5.75		5.94	4.86		4.50	5.41	5.00	6.10	5.71	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
24	DH71600475	Ngô Thị Hồng	Oanh	D16_MAR01																			6.20	6.00		5.55	5.41		4.43	5.86	6.50	6.05	6.06	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
25	DH71600485	Võ Mai	Oanh	D16_MAR01																			5.87	5.80		5.06	5.23		5.63	6.38	6.00	6.76	6.16	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
26	DH71600996	Nguyễn Đình	Quang	D16_MAR01																			5.20	5.15		4.20	4.89		6.13	6.50	7.50	6.74	6.15	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
27	DH71600050	Nguyễn Võ Minh	Quân	D16_MAR01																			6.87	5.35		5.82	5.12		5.38	6.57	7.00	6.65	6.52	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
28	DH71600848	Nguyễn Lương Phú	Quý	D16_MAR01																			6.67	5.40		3.71	2.41		4.86	6.10	6.00	6.43	5.87	111/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
29	DH71602297	Lưu Bội	Sang	D16_MAR01																			7.87	6.70		6.47	6.58	6.00	6.67	7.00		6.41	6.84	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
30	DH71600741	Huỳnh Thái	Siêu	D16_MAR01																			6.87	6.35		5.29	4.05		5.43	6.19	6.33	5.95	6.23	111/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
31	DH71600318	Nguyễn Thanh	Tấn	D16_MAR01																			6.71	6.67	0.00	5.33	5.48	4.00	4.82	5.76	6.00	5.73	5.88	107/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
32	DH71501051	Hoàng Lê Ngọc	Thành	D16_MAR01																3.56	3.20		2.95	2.84	4.20	2.20	2.54	4.13	3.76	4.29	3.63	4.31	4.14	62/124	24/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
33	DH71602011	Huỳnh Thị Kim	Thơ	D16_MAR01																			6.60	5.75		5.65	5.82		6.00	6.86	6.00	6.24	6.29	127/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
34	DH71600730	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	D16_MAR01																			6.93	6.50		5.82	6.47		5.71	7.11	8.00	6.41	6.58	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
35	DH71600598	Phạm Thị Kiều	Tiên	D16_MAR01																			6.40	5.65		5.88	5.05		5.00	6.64	6.50	5.82	6.14	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
36	DH71600944	Đặng Khánh	Tiến	D16_MAR01																			6.27	6.40		5.88	4.68		4.17	5.15	5.67	3.58	5.53	103/124	38/46	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
37	DH71600418	Lý Hồ Ngọc	Trâm	D16_MAR01																			7.73	6.90		6.35	5.79		4.33	5.81	6.00	5.95	6.30	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
38	DH71600659	Nguyễn Phúc Nguyên	Trâm	D16_MAR01																			6.60	6.20	8.00	4.76	4.58		5.14	5.82	4.50	4.91	5.94	109/124	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
39	DH71600827	Hà Thị Diễm	Trinh	D16_MAR01																			6.67	5.70		4.82	5.27		6.00	7.18		6.29	6.17	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
40	DH71600760	Lê Cẩm	Tú	D16_MAR01																			7.33	6.25		5.53	6.58		6.71	7.50		7.47	6.84	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
41	DH71600699	Nguyễn Lê Cẩm	Tú	D16_MAR01																			7.47	5.95		6.41	6.68		6.29	6.94	8.00	7.41	6.88	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
42	DH71601027	Nguyễn Đình	Tuyền	D16_MAR01																			6.13	5.55		4.35	3.16		0.17	0.00		0.00	2.72	48/124	19/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
43	DH71602107	Trương Nguyễn Ngọc	Tuyền	D16_MAR01																			7.87	6.25		6.47	6.74		6.83	7.35		6.59	6.85	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
44	DH71600952	Mai Thị Tuyết	Vân	D16_MAR01																			8.07	8.55		8.53	7.95		8.83	8.06		8.76	8.40	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
45	DH71603709	Lê Nguyễn Thảo	Vi	D16_MAR01																			6.00	5.80		5.71	5.00		5.13	6.52	6.00	6.65	6.46	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
46	DH71600830	Nguyễn Tường	Vi	D16_MAR01																			7.20	6.05		6.24	6.21	7.00	5.83	6.30	7.00	6.29	6.42	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
47	DH71600711	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	D16_MAR01																			7.07	6.05		6.06	6.38		6.00	6.83	7.00	6.65	6.57	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
48	DH71601568	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	D16_MAR02																			5.73	4.65		4.62	4.00		4.33	6.32	4.67	5.76	5.55	108/124	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
49	DH71604050	Tăng Tú	Anh	D16_MAR02																			6.67	5.00		5.53	4.05		5.14	6.00	6.50	5.42	5.70	110/124	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
50	DH71601942	Đinh Khắc	Bảo	D16_MAR02																			6.13	5.15		4.05	4.68	7.00	4.86	6.29	6.50	6.52	6.06	121/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
51	DH71601494	Phạm Ngọc	Diện	D16_MAR02																			5.07	4.15		4.86	4.33		4.25	5.60	5.00	5.07	5.32	104/124	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
52	DH71601440	Tạ Thị Hồng	Dung	D16_MAR02																			5.13	4.50	6.00	4.35	4.86	0.00	4.41	6.04	5.00	5.42	5.66	106/124	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
53	DH71601535	Lê Hà Hồng	Giang	D16_MAR02																			7.40	7.10		7.24	6.95		7.25	7.42		7.40	7.24	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
54	DH71603825	Nguyễn Huỳnh Hồng	Hạnh	D16_MAR02																			7.60	5.95		6.12	5.79	7.00	5.86	6.65	7.00	5.65	6.40	120/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
55	DH71603679	Nguyễn Ngọc	Hạnh	D16_MAR02																			4.47	4.80		3.82	4.38	2.00	4.70	6.12	6.33	5.03	5.59	109/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
56	DH71602728	Bùi Thị	Hòa	D16_MAR02																			5.07	4.35		4.67	4.13		4.38	5.28	5.67	5.27	5.09	101/124	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
57	DH71604084	Nguyễn Hữu Thái	Học	D16_MAR02																			7.40	6.40		6.35	5.63		6.83	6.61		6.53	6.51	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
58	DH71603960	Nguyễn Thị Hương	Lan	D16_MAR02																			6.47	6.15		5.94	6.26		5.29	6.58	8.00	6.40	6.34	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
59	DH71601966	Nguyễn Thị Thanh	Lan	D16_MAR02																			6.53	5.65		4.94	5.27		5.67	6.95	6.33	7.12	6.21	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
60	DH71601690	Võ Ngọc Khánh	Ly	D16_MAR02																			5.73	4.30		4.05	3.17		0.00	0.00	2.00	0.00	2.50	35/124	13/46	CB_BTH_1	KoNoHP	KoDKMH	DC	DH16
61	DH71601815	Dương Phương	Ngọc	D16_MAR02																			7.27	6.20		4.71	5.63		4.38	6.30	5.00	5.15	5.92	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
62	DH71601355	Lý Mộng	Ngọc	D16_MAR02																			5.93	4.75		4.82	4.74	8.00	5.60	6.73	7.33	6.75	6.46	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
63	DH71603806	Võ Trần Ngọc	Nguyên	D16_MAR02																			6.93	4.50		6.00	5.57		5.50	6.42	7.00	6.82	6.07	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
64	DH71601649	Huỳnh Thanh	Nguyệt	D16_MAR02																			7.87	6.35		6.06	6.47	6.50	6.33	7.17	7.00	6.70	6.97	129/124	47/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
65	DH71603952	Lê Hoàng	Nha	D16_MAR02																			6.27	4.90		5.88	5.45		5.71	6.19	5.00	6.18	5.88	124/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
66	DH71601130	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	D16_MAR02																			7.20	6.65		5.65	4.84		1.33	4.57	6.00	6.77	6.09	112/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
67	DH71601439	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D16_MAR02																			5.73	4.85	6.00	5.24	5.00		4.90	6.52	5.67	5.85	5.98	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
68	DH71601423	Lê Minh	Nhựt	D16_MAR02																			6.33	4.85		4.24	4.90		0.00	0.00		0.00	2.94	46/124	18/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
69	DH71602925	Lê Huỳnh	Phát	D16_MAR02																			6.00	4.85		3.80	4.73		5.14	6.17	5.67	5.80	5.81	117/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
70	DH71601624	Trần Thanh	Phong	D16_MAR02																			5.93	4.70		3.82	3.04		4.89	6.54	6.33	6.31	5.91	123/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
71	DH71601854	Lê Thị Kim	Phương	D16_MAR02																			5.93	5.70	7.00	5.00	5.50		5.89	6.16	5.00	6.65	6.23	120/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
72	DH71601387	Nguyễn Thanh	Phương	D16_MAR02																			6.80	5.50		4.65	5.54	7.00	4.83	5.57	5.00	6.00	5.90	124/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
73	DH71601215	Nguyễn Thụy Trúc	Phương	D16_MAR02																			6.40	6.65		5.47	6.58	7.00	6.00	7.05		7.12	6.56	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
74	DH71601353	Võ Trúc	Quân	D16_MAR02																			5.67	3.70		4.06	5.14	6.00	4.54	6.17	5.60	6.35	5.95	121/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
75	DH71600213	Châu Lập	Quốc	D16_MAR02																			6.67	4.95		3.94	5.43		4.83	7.08	8.00	7.36	6.76	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
76	DH71604167	Nguyễn Huỳnh	Tân	D16_MAR02																			8.67	8.30		8.59	7.58		8.00	7.47		7.53	8.00	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
77	DH71601048	Huỳnh Trọng	Tấn	D16_MAR02																			7.47	7.55		7.65	6.47		5.67	7.35	8.00	7.47	7.25	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
78	DH71601646	Nguyễn Thị	Thành	D16_MAR02																			6.47	5.45		4.06	3.95		4.63	5.67	6.33	5.78	5.75	115/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
79	DH71601699	Trần Bé	Thảo	D16_MAR02																			6.47	5.70		6.59	5.59		6.43	6.83		6.20	6.46	124/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
80	DH71601874	Nguyễn Hoàng	Thiện	D16_MAR02																			5.87	3.35		4.29	4.30		3.89	5.58	7.00	6.31	5.72	112/124	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
81	DH71601616	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	D16_MAR02																			7.33	5.45		4.41	4.00		5.43	6.69	8.00	6.80	6.51	122/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
82	DH71604045	Trịnh Thị Cẩm	Thy	D16_MAR02																			6.80	6.25		5.65	5.32		3.67	5.84	6.00	5.70	5.90	116/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
83	DH71601329	Nguyễn Thanh	Toàn	D16_MAR02																			6.67	7.05		6.29	5.95		5.17	6.90	7.00	6.94	6.60	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
84	DH71601691	Trần Thị Thanh	Tuyền	D16_MAR02																			7.00	5.50		5.59	5.27		4.57	6.37	6.67	5.94	6.06	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
85	DH71601877	Trần Thụy Kim	Uyên	D16_MAR02																			6.73	6.50		6.76	6.11		6.29	7.05		6.70	6.64	129/124	47/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
86	DH71601553	Cao Hoàng Quốc	Việt	D16_MAR02																			5.93	4.15		0.00	3.71		4.12	5.20	5.00	5.10	4.76	89/124	32/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
87	DH71601544	Nguyễn Khang Lan	Vy	D16_MAR02																			7.53	6.65		6.35	6.26		6.95	6.89		7.00	6.78	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
88	DH71603382	Nguyễn Thị Quỳnh	Vy	D16_MAR02																			6.53	5.15		4.29	3.74		4.25	5.09	5.33	5.96	5.40	110/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
89	DH71601216	Lê Vũ Xuân	Vỹ	D16_MAR02																			6.73	5.30		4.65	5.21		4.88	5.95	5.67	6.95	6.04	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
90	DH71602889	Lê Nguyễn Thảo	Anh	D16_MAR03																			7.07	5.80		5.24	5.32	5.00	5.83	6.61	6.50	6.10	6.27	119/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
91	DH71602840	Lê Nhật	Anh	D16_MAR03																			7.60	6.30		6.53	6.11	6.00	6.67	6.94		6.47	6.73	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
92	DH71600775	Nguyễn Thị Xuân	ánh	D16_MAR03																			6.00	5.85		3.85	4.11		3.00	6.45	5.33	5.95	5.47	96/124	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
93	DH71601171	Đoàn Thanh	Dễ	D16_MAR03																			5.27	5.90		4.80	5.16		4.33	5.67	4.67	5.32	5.60	111/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
94	DH71602836	Hoàng Kỳ	Duyên	D16_MAR03																			6.47	6.20		6.06	5.89		5.57	5.86		6.45	6.27	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
95	DH71602719	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	D16_MAR03																			6.87	6.50		7.12	6.05		6.50	7.10	8.00	7.35	6.96	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
96	DH71600130	Nguyễn Thành	Hậu	D16_MAR03																			5.67	5.15		5.35	4.74		4.17	5.11		5.24	5.04	91/124	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
97	DH71602766	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	D16_MAR03																			6.07	5.45		6.12	5.67		3.50	3.11		4.83	5.15	92/124	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
98	DH71602693	Nguyễn Thị Thu	Hương	D16_MAR03																			7.73	6.65		6.65	6.21	6.00	7.17	6.61		7.53	6.95	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
99	DH71600071	Nguyễn Thành	Luân	D16_MAR03																			6.27	5.00		5.35	4.23		4.67	5.90	5.50	5.83	5.65	112/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
100	DH71602291	Võ Thị Trà	My	D16_MAR03																			5.87	5.05		4.95	5.00		4.38	5.91	5.00	4.39	5.37	103/124	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
101	DH71600057	Châu Thị Thùy	Ngân	D16_MAR03																			6.00	6.70		6.00	5.32		6.00	6.47	5.00	5.95	6.14	122/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
102	DH71603270	Dương Trúc	Ngọc	D16_MAR03																			6.40	5.45		4.94	5.32	6.50	5.57	6.28	6.00	6.82	6.06	121/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
103	DH71602468	Lý Nguyên ánh	Nguyệt	D16_MAR03																			7.13	6.70		6.53	6.59	7.00	6.67	7.28		7.35	7.02	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
104	DH71603010	Trần Huỳnh	Nhân	D16_MAR03																			5.33	5.45		5.82	4.74		4.50	5.85	4.50	5.10	5.45	106/124	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
105	DH71602866	Bùi Thị Yến	Nhi	D16_MAR03																			6.47	5.25		5.12	4.32		5.67	6.19	5.00	5.55	5.74	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
106	DH71600321	Hàn Mạng	Nhi	D16_MAR03																			6.60	4.95		4.82	5.14	4.00	5.00	6.16	4.50	6.35	5.89	124/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
107	DH71600162	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	D16_MAR03																			6.20	5.40		4.29	5.41	7.50	6.29	6.63		5.71	6.02	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
108	DH71600626	Phan Nguyễn ý	Như	D16_MAR03																			6.40	4.95		4.41	4.77	5.00	5.14	5.71	5.00	5.55	5.55	113/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
109	DH71601848	Lê Thị Thu	Phương	D16_MAR03																			5.80	5.70		4.85	4.68		4.17	5.70	5.50	5.87	5.63	108/124	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
110	DH71602721	Trần Thị Khánh	Phương	D16_MAR03																			6.47	6.25		5.65	4.95		5.33	6.10	5.00	5.10	5.83	115/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
111	DH71600248	Nguyễn Thanh	Quang	D16_MAR03																			6.80	4.65		4.12	5.27	6.00	5.86	7.00	8.50	6.05	6.31	119/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
112	DH71600503	Trương Hiệu	Quy	D16_MAR03																			6.80	6.05		5.06	5.59	4.00	5.33	6.00	6.00	0.15	5.17	100/124	37/46	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
113	DH71602433	Võ Minh	Sáng	D16_MAR03																			6.73	5.40		6.65	5.33		5.67	6.68		6.32	6.23	112/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
114	DH71604136	Bùi Minh	Tân	D16_MAR03																			6.00	5.95		5.41	4.47		3.83	4.94	2.50	1.76	4.68	87/124	33/46	CCHV_2	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
115	DH71602691	Mã Ngọc	Thuận	D16_MAR03																			5.07	6.00		5.13	3.55		5.13	6.00	3.50	5.17	5.49	104/124	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
116	DH71603069	Nguyễn Đặng Phương	Toàn	D16_MAR03																			6.20	5.25		4.71	4.21		4.17	3.72		2.65	4.40	66/124	25/46	CCHV_2	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH16
117	DH71602965	Nguyễn Thị Quế	Trân	D16_MAR03																			6.20	5.75		4.41	5.37	6.50	5.83	5.78	6.00	5.82	5.85	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
118	DH71602136	Trịnh Thị Huyền	Trinh	D16_MAR03																			7.67	6.85		6.41	5.84	4.00	7.00	6.89		6.30	6.74	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
119	DH71601151	Lương Khắc	Tùng	D16_MAR03																			6.67	6.55		4.88	6.26		5.71	6.61	7.50	6.35	6.46	121/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
120	DH71602801	Phạm Anh	Tùng	D16_MAR03																			6.13	5.25		5.65	4.36		5.00	6.33	5.67	6.35	6.07	119/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
121	DH71601057	Nguyễn Thị Phương	Tuyền	D16_MAR03																			5.80	5.75		5.65	4.89		4.83	5.75	5.00	5.17	5.67	102/124	38/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
122	DH71603294	Nguyễn Thị Tố	Uyên	D16_MAR03																			5.07	5.75		5.12	4.42		3.75	6.20	4.33	5.26	5.37	100/124	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
123	DH71602470	Nguyễn Thị Trúc	Vy	D16_MAR03																			7.33	6.30		5.94	6.27	6.00	5.33	6.44	7.00	6.35	6.49	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
124	DH71600880	Nguyễn Nhân	ái	D16_MAR04																			6.13	5.80		4.59	4.74	6.80	5.67	6.35	6.00	6.71	6.03	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
125	DH71602238	Đặng Thị Thu	Hà	D16_MAR04																			7.93	7.15		6.76	5.84		6.83	7.33	7.50	7.24	7.25	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
126	DH71600660	Trần Thị Bé	Hai	D16_MAR04																			6.20	4.05		5.05	4.89	7.00	6.71	7.25	7.50	6.41	6.37	120/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
127	DH71602383	Dương Thị Thanh	Hằng	D16_MAR04																			7.13	6.60		6.18	5.00		6.17	6.50	7.00	6.20	6.40	119/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
128	DH71601997	Lê Thị Thanh	Hiền	D16_MAR04																			7.20	5.65	0.00	5.12	4.86		5.29	6.73	6.00	6.65	6.33	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
129	DH71601573	Nguyễn Minh	Hoàng	D16_MAR04																			5.60	5.85		4.65	4.53		5.00	5.67	4.50	4.65	5.29	97/124	36/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																															TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
130	DH71601982	Trần Thanh	Huy	D16_MAR04																			6.13	5.60		5.00	5.23		5.09	5.94	5.00	5.10	5.62	116/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
131	DH71600556	Trần Thế	Huy	D16_MAR04																			6.73	5.80		6.06	5.05		6.17	6.55	7.00	6.76	6.26	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
132	DH71601644	Phan Trần Thị Mỹ	Huyền	D16_MAR04																			5.47	5.50		5.17	4.79		4.75	6.47	6.67	5.22	5.86	119/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
133	DH71604152	Bùi Lê Cẩm	Hương	D16_MAR04																			7.00	6.45	0.00	6.18	5.58		6.50	7.21		5.94	6.40	124/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
134	DH71601871	Trần Nhật	Lệ	D16_MAR04																			7.47	7.40		7.06	6.11		7.00	7.18		6.47	7.02	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
135	DH71602088	Huỳnh Ngọc Khánh	Nghi	D16_MAR04																			6.20	5.15		4.94	4.23		5.33	6.57	5.00	5.90	6.01	120/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
136	DH71601719	Nguyễn Thành	Ngọc	D16_MAR04																			5.73	5.75		5.88	4.09		5.00	6.50	5.00	5.48	5.78	117/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
137	DH71602422	Phạm Thị Hồng	Ngọc	D16_MAR04																			7.00	5.15		4.76	4.92		6.09	6.22	5.00	6.08	6.26	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
138	DH71601759	Lê Thái Yến	Nhi	D16_MAR04																			6.67			5.40	4.09		5.17	5.35	3.55	4.81	5.46	90/124	32/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
139	DH71600094	Lê Nguyễn Minh	Nhựt	D16_MAR04																			6.27	6.10		5.41	5.47	7.00	5.50	6.90	7.00	6.35	6.30	123/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
140	DH71600049	Lê Thị Thái	Phụng	D16_MAR04																			6.27	4.95	5.00	5.24	5.26		4.33	5.55		5.24	5.39	105/124	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
141	DH71602217	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	D16_MAR04																			5.53	4.45		4.29	3.58		5.43	6.08	6.50	5.75	5.64	106/124	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
142	DH71601905	Đặng Thị Mỹ	Tâm	D16_MAR04																			7.07	7.40		7.12	6.63		7.17	7.79		7.00	7.18	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
143	DH71600696	Nguyễn Quốc	Tân	D16_MAR04																			5.33	4.75		5.15	5.04		5.33	6.26	5.00	6.29	5.77	116/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
144	DH71601567	Lê Quốc	Thái	D16_MAR04																			6.13	5.50	9.00	7.47	6.62		6.50	7.68		7.00	6.86	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
145	DH71600561	Cao Thị Thu	Thảo	D16_MAR04																			7.20	6.95	9.00	7.18	7.58		7.50	7.95		7.18	7.46	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
146	DH71602201	Trương Ngọc Thu	Thảo	D16_MAR04																			6.67	5.55		6.12	4.57		5.50	6.38	4.50	5.96	6.08	117/124	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
147	DH71602397	Lê Thị Kim	Thoại	D16_MAR04																			6.67	6.40		5.65	5.53		5.75	6.72	6.50	5.94	6.41	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
148	DH71601924	Trần Ngọc Minh	Thư	D16_MAR04																			6.33	6.35		4.59	4.47		5.75	6.40	5.50	6.35	6.25	122/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
149	DH71601636	Trần Thị Anh	Thư	D16_MAR04																			7.27	6.55		7.06	6.53		7.17	7.55		7.65	7.10	126/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
150	DH71602063	Nguyễn Quỳnh Lam	Thy	D16_MAR04																			6.80	6.30		5.18	4.89		5.57	7.07	9.00	7.85	6.78	122/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
151	DH71601230	Nguyễn Thị Phương	Thy	D16_MAR04																			6.07	6.35	7.00	5.71	5.21		6.43	6.91	7.33	5.88	6.60	122/124	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
152	DH71600617	Huỳnh Minh	Tiến	D16_MAR04																			7.07	5.95		4.94	4.79		4.57	6.21	6.33	5.45	5.96	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
153	DH71602418	Trần Thị Thu	Trang	D16_MAR04																			6.47	5.45		4.82	5.00		4.86	5.89	6.00	5.69	5.89	117/124	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
154	DH71602595	Nguyễn Thị	Trâm	D16_MAR04																			7.73	7.55		7.59	6.32		7.17	7.68		7.53	7.35	125/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
155	DH71602379	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D16_MAR04																			7.60	6.10		7.29	6.64		7.33	7.45		7.65	7.20	128/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
156	DH71601269	Lê Hoàng Anh	Tuấn	D16_MAR04																			5.53	5.10	5.00	4.30	4.16		4.88	5.80	7.00	6.12	5.84	114/124	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
157	DH71602447	Lê Thị Bé	Ty	D16_MAR04																			7.93	6.60		5.88	6.16		7.43	7.61		7.59	7.10	124/124	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
158	DH71602051	Lê Quốc	Việt	D16_MAR04																			5.33	4.90		4.05	3.04		5.50	5.48	5.33	4.59	5.56	112/124	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28):
- Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																												TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
				101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)	(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)

[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH71600512	Nguyễn Lê Thùy	An	D16_TC01																			7.20	6.55		6.29	6.00	5.00	6.06	7.63	9.00	7.88	6.94	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
2	DH71601405	Lưu Hoàng Tuấn	Anh	D16_TC01																			6.67	6.70		5.76	5.88		4.53	6.90	7.67	7.95	6.85	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
3	DH71600349	Võ Ngọc	Châu	D16_TC01																			7.60	6.85		5.94	6.58	7.00	7.41	7.89		8.18	7.27	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
4	DH71600243	Nguyễn Thị Bạch	Cúc	D16_TC01																			6.60	6.05		5.18	6.12		6.25	6.89	7.00	7.24	6.54	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
5	DH71600524	Nguyễn Hà Quốc	Cường	D16_TC01																			6.60	6.25		5.12	5.05		4.05	4.72	4.50	6.00	5.49	98/123	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
6	DH71600324	Bùi Thị	Dung	D16_TC01																			6.20	6.15		5.29	6.42		6.30	6.44		7.18	6.37	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
7	DH71602338	La Yết	Hồng	D16_TC01																			6.20	5.85		5.29	4.75		4.41	5.87	7.67	7.04	6.21	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
8	DH71600814	Lê Quang	Huy	D16_TC01																			6.87	6.65		5.35	1.95		6.12	6.28	7.00	7.00	6.35	115/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
9	DH71602273	Lê Trương Mỹ	Huyền	D16_TC01																			6.80	6.70		6.00	6.37		6.59	7.42	8.00	7.94	6.93	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
10	DH71600946	Đặng Trần Nam	Khiêm	D16_TC01																			5.20	4.50	0.00	3.47	2.67		2.69	3.04		4.06	4.11	63/123	23/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
11	DH71600296	Đỗ Huỳnh Anh	Khoa	D16_TC01																			5.73	5.10		4.47	3.55		2.74	2.75		1.94	3.90	47/123	19/46	CB_BTH_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
12	DH71600789	Hà Ngọc	Mỹ	D16_TC01																			7.00	6.55		6.76	6.16		7.18	8.00	8.00	8.12	7.19	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
13	DH71600280	Phan Thế	Ngọc	D16_TC01																			6.13	6.45		7.00	5.58		4.35	5.86	6.00	7.04	6.42	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
14	DH71600045	Trịnh Bảo	Nhi	D16_TC01																			6.27	5.05		5.24	4.36		4.85	5.87	7.00	6.23	5.92	115/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
15	DH71600201	Trần Thuận	Phát	D16_TC01																			5.60	2.10		4.90	3.71		5.29	4.68		6.41	4.81	81/123	30/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
16	DH71502457	Lê Đoàn	Quang	D16_TC01																5.57	3.65	4.00	0.71			3.83	4.24		4.65	3.44	4.50	2.00	3.68	64/123	26/46	CB_BTH_1	NoHP	DKMH	DC & CB_TGIAN	DH15
17	DH71600281	Nguyễn Thị Ngọc	Quyền	D16_TC01																			6.20	6.55		6.65	5.05		4.59	6.43	7.00	7.17	6.40	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
18	DH71600117	Mai Thị Ngọc	Sương	D16_TC01																			7.27	6.40		6.35	6.84		6.70	7.72	9.00	7.71	7.15	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
19	DH71600750	Nguyễn Thị Nhật	Tâm	D16_TC01																			5.47	4.55		4.95	4.29	6.00	5.22	5.60	6.00	5.76	5.78	108/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
20	DH71600894	Phạm Thị Kim	Thi	D16_TC01																			7.47	6.80		5.94	5.74		6.75	7.17		0.18	5.80	106/123	40/46	CCHV_1	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
21	DH71600414	Phạm Duy	Thông	D16_TC01																			7.27	7.40		6.65	6.79		6.94	8.00	8.00	7.88	7.37	120/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
22	DH71500725	Đặng Thùy	Tiên	D16_TC01																7.17	6.33		6.42				6.16		7.29	7.33		8.24	7.04	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	CB_TGIAN	DH15
23	DH71600622	Quách Công	Tiến	D16_TC01																			7.47	6.95		6.29	6.89		8.47	8.44		8.76	7.59	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
24	DH71600098	Trần Việt	Trinh	D16_TC01																			6.87	6.55		4.82	5.47		6.10	6.67	8.00	6.71	6.36	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
25	DH71600862	Nguyễn Thị Hồng	Vân	D16_TC01																			6.33	5.60		4.88	4.48	5.00	4.96	5.60	4.00	5.61	5.88	114/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
26	DH71600347	Chiêu Phụng	Yến	D16_TC01																			6.33	6.90		7.12	6.26		7.82	8.05	8.00	8.29	7.35	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
27	DH71601526	Nguyễn Thị Kim	Chi	D16_TC02																			7.40	7.15	0.00	6.06	5.62	0.00	6.94	6.52	7.75	6.88	6.95	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
28	DH71600805	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	D16_TC02																			6.40	5.30		4.94	5.11		5.12	5.04	6.50	5.60	5.56	106/123	39/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
29	DH71601862	Nguyễn Hữu	Hiếu	D16_TC02																			6.40	6.10		5.41	5.16		5.29	5.72	6.00	6.25	5.93	112/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
30	DH71602444	Đỗ Khánh	Huyền	D16_TC02																			7.33	7.60		7.00	5.95		6.94	7.00		7.47	7.03	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
31	DH71602361	Thăng Anh	Kiệt	D16_TC02																			6.47	6.10	0.00	5.88	5.05		6.18	5.61	7.00	6.30	6.07	120/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
32	DH71603804	Trần Thị Ngọc	Kiều	D16_TC02																			5.27	4.85		3.55	4.33		3.95	4.33		5.30	4.65	76/123	29/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
33	DH71600763	Ma Thị Tú	Linh	D16_TC02																			6.33	6.75		5.47	5.26		5.12	6.00	7.00	5.90	6.11	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
34	DH71602000	Trần Nguyễn Trúc	Linh	D16_TC02																			6.53	5.35	0.00	5.76	4.64		5.20	5.67	5.63	5.93	5.90	114/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
35	DH71601891	Võ Thiên	Lý	D16_TC02																			8.20	7.40		7.29	7.16		8.35	8.74		9.18	8.02	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
36	DH71601675	Trần Thị Hà	Mi	D16_TC02																			5.20	3.90		4.06	3.57	5.00	4.08	4.44	6.00	5.00	4.89	79/123	29/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
37	DH71601762	Hồ Thị Hồng	Ngân	D16_TC02																			6.60	6.00		5.88	4.86		5.88	6.20	5.50	6.70	6.26	122/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
38	DH71602628	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	D16_TC02																			6.33	5.65		6.24	6.47		6.35	6.95		6.40	6.40	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
39	DH71602048	Tăng Mỹ	Ngọc	D16_TC02																			7.13	7.20		6.65	6.16		7.53	6.67	8.00	7.37	7.10	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
40	DH71602178	Trần Thị Yến	Ngọc	D16_TC02																			7.87	6.20		6.82	6.47		8.18	7.89		7.53	7.24	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
41	DH71602369	Nguyễn Mỹ	Nhã	D16_TC02																			7.27	7.30		7.71	6.79		7.29	7.95		8.18	7.49	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
42	DH71603654	Lương Thị Phương	Thảo	D16_TC02																			6.20	5.95		5.35	4.95		5.35	5.67		6.54	5.94	106/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
43	DH71601046	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D16_TC02																			7.13	7.20		6.24	6.37		6.41	7.33		6.76	6.78	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
44	DH71602692	Trần Thị	Thiệp	D16_TC02																			7.13	6.50		7.06	6.84		6.59	7.28		6.41	6.82	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
45	DH71601366	Nguyễn Minh	Thông	D16_TC02																			5.73	5.55		4.29	4.53		3.20	6.29	6.67	5.97	5.77	112/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
46	DH71600618	Lê Đoàn Anh	Thư	D16_TC02																			4.67	5.50		4.29	4.86		4.81	4.05	6.00	5.52	5.28	91/123	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
47	DH71600502	Phạm Thị Minh	Thư	D16_TC02																			7.93	7.50		7.35	6.89		7.94	7.83		8.00	7.62	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
48	DH71602634	Phan Minh	Thư	D16_TC02																			7.20	7.25		6.24	5.74		6.15	7.47	7.00	7.35	7.02	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
49	DH71600590	Lê Trung	Tín	D16_TC02																			6.27	5.95		5.59	5.18		5.37	6.17	7.00	5.90	6.02	120/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
50	DH71602567	Ngô Thị Tây	Trúc	D16_TC02																			8.33	7.85		7.00	7.05		8.00	7.89		8.06	7.73	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
51	DH71600804	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D16_TC02																			6.67	6.25		5.29	5.05		5.47	4.67	6.00	6.10	5.84	112/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
52	DH71603699	Phạm Thị	Tuyền	D16_TC02																			6.67	5.95		5.29	5.37		5.25	5.56		6.54	6.00	112/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
53	DH71602157	Trương Huỳnh Ngọc	Tuyết	D16_TC02																			7.13	6.50		6.82	6.79		7.71	8.21		7.94	7.29	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
54	DH71600769	Nguyễn Khải Ngọc	Vi	D16_TC02																			6.33	4.85		4.94	4.76		3.94	6.31	7.00	6.65	5.93	116/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
55	DH71603966	Lê Thị Khánh	Vy	D16_TC02																			6.07	4.95		4.53	4.21		3.88	5.21	4.50	5.48	5.20	88/123	33/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
56	DH71602198	Lê Hoàng	Anh	D16_TC03																			6.87	6.00		5.12	3.95		5.24	5.45		6.25	5.58	99/123	37/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
57	DH71603266	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	D16_TC03																			6.33	5.95		6.41	5.58	7.00	5.65	5.38		6.17	6.18	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
58	DH71602289	Lê Ngọc	ánh	D16_TC03																			5.87	5.35		5.18	3.36		4.12	5.50	6.33	6.26	5.67	113/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
59	DH71600731	Nguyễn Thị Tuyết	Băng	D16_TC03																			6.27	4.95		4.88	4.64	6.63	4.80	5.07		5.39	5.64	107/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
60	DH71600774	Nguyễn Hoàng	Bửu	D16_TC03																			5.87	4.30		3.94	4.75	5.50	4.89	6.22	7.50	6.80	5.91	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
61	DH71602851	Phạm Thị Thùy	Dung	D16_TC03																			6.67	6.30		6.00	6.52	6.00	7.18	7.06		7.41	6.86	122/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
62	DH71602471	Nguyễn Thanh	Duy	D16_TC03																			6.07	5.15		3.71	3.59	6.38	3.13	4.33	3.00	2.83	4.94	76/123	30/46	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
63	DH71602768	Nguyễn Thị	Hay	D16_TC03																			6.67	7.05		6.12	5.89	7.00	6.59	7.29		7.65	7.02	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
64	DH71601886	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D16_TC03																			8.53	7.50		6.71	4.79		6.88	6.72	6.00	7.29	6.99	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
65	DH71603781	Trần Đỗ Ngọc	Hân	D16_TC03																			7.20	6.55		5.71	6.05		6.60	6.40		6.86	6.56	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
66	DH71603041	Ngô Đức	Hiếu	D16_TC03																			7.80	6.45		4.82	4.37	6.00	5.47	6.13	8.00	7.00	6.38	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
67	DH71603280	Trần Hoài	Khiêm	D16_TC03																			6.67	4.75		3.06	3.63	4.00	3.30	3.81	4.33	5.41	4.78	79/123	30/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
68	DH71603099	Trần Anh	Khoa	D16_TC03																			7.20	6.05		5.65	5.05	7.50	6.29	6.42	8.00	6.47	6.56	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
69	DH71602256	Trần Hằng	Lạc	D16_TC03																			5.40	5.70		4.35	4.27	7.00	3.71	3.90		5.71	5.04	87/123	33/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
70	DH71602537	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D16_TC03																			6.33	5.85		6.47	6.84	6.00	7.18	8.28		8.00	7.03	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
71	DH71600350	Đinh Xuân	Mai	D16_TC03																			6.53	5.00		2.29	4.38		3.50	3.37	0.67	2.77	4.32	66/123	26/46	CB_BTH_1	KoNoHP	DKMH	CB_BTH	DH16
72	DH71601887	Nguyễn Đặng Như	Mai	D16_TC03																			8.13	7.55		7.53	5.84		7.53	7.89		7.60	7.50	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
73	DH71602360	Trương Hạnh	Mai	D16_TC03																			7.73	6.20		7.29	6.45		6.76	7.56		7.76	7.10	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
74	DH71602943	Phạm Thị	Mỹ	D16_TC03																			8.13	7.65		6.94	6.53		7.82	7.67		7.59	7.46	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
75	DH71602304	Đỗ Kim	Ngân	D16_TC03																			7.40	5.80		5.82	4.23		5.47	5.65	6.67	5.57	6.10	118/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
76	DH71603276	Nguyễn Trần Thành	Nhân	D16_TC03																			6.20	5.60		5.71	5.86	6.80	5.53	5.84	8.00	7.06	6.30	123/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
77	DH71602992	Hồ Tuyết	Nhi	D16_TC03																			5.60	6.65		6.06	5.82	6.00	6.12	6.86		7.47	6.57	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
78	DH71602629	Lê Hữu	Phước	D16_TC03																			7.07	6.30		5.71	5.63	7.00	6.41	6.86	7.50	7.65	6.83	121/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
79	DH71602626	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	D16_TC03																			8.13	8.05		7.65	7.79		7.65	8.33		8.82	8.06	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
80	DH71602143	Nguyễn Thị Như	Tâm	D16_TC03																			7.53	6.00		6.76	6.64		6.53	7.24		7.94	7.03	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
81	DH71600852	Nguyễn Trần Phương	Thảo	D16_TC03																			5.33	4.00		4.10	4.13	4.25	5.27	5.89	4.67	5.96	5.62	117/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
82	DH71602416	Vũ Ngọc Phương	Thảo	D16_TC03																			6.73	5.30		4.41	3.76		4.65	5.55	5.67	5.95	5.63	110/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
83	DH71600274	Nguyễn Lan	Thi	D16_TC03																			6.33	4.65		3.76	4.50		6.08	6.00	6.88	6.95	6.05	117/123	43/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
84	DH71602241	Mai Thị Kim	Thùy	D16_TC03																			7.47	7.05		7.12	7.26		7.60	7.94		8.14	7.49	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
85	DH71601677	Trần Thị Anh	Thư	D16_TC03																			8.33	7.45		6.76	6.05	7.00	8.26	7.27		8.60	7.75	125/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
86	DH71602571	Nguyễn Thị Thu	Thương	D16_TC03																			7.47	5.85		7.47	8.00	8.00	7.53	8.28		8.65	7.67	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
87	DH71602740	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	D16_TC03																			6.53	6.75		6.29	6.53	6.00	7.59	7.62		7.29	7.13	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
88	DH71602281	Lê Nguyễn Huyền	Trang	D16_TC03																			7.93	6.95		6.47	5.89		8.00	8.05		8.19	7.45	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
89	DH71602633	Nguyễn Thái Thùy	Trinh	D16_TC03																			7.47	7.30		6.76	6.53		7.35	7.28		7.47	7.15	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
90	DH71600226	Bùi Hữu	Trung	D16_TC03																			5.40	5.25		5.43	4.48		4.75	5.25	5.50	5.35	5.43	111/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
91	DH71604148	Nguyễn Mạnh	Tuấn	D16_TC03																			6.40	5.70		4.06	4.21	6.38	3.41	3.76		0.00	4.25	71/123	28/46	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH16
92	DH71600480	Nguyễn Thị Kim	Uyển	D16_TC03																			5.73	4.50		2.95	5.00	5.33	5.09	5.48	5.33	5.64	5.67	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
93	DH71602682	Ngô Thị Thanh	Xuân	D16_TC03																			7.87	7.65		7.53	7.00		8.29	8.50		8.47	7.89	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
94	DH71603240	Trần Trung	An	D16_TC04																			6.87	5.80		5.47	1.95		5.12	4.50		6.47	5.24	92/123	34/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
95	DH71600417	Hoàng Thị Anh	Chi	D16_TC04																			7.20	6.55		6.00	6.16	8.00	7.00	7.17		7.06	6.81	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
96	DH71603445	Võ Thụy Thùy	Dương	D16_TC04																			6.13	5.75		5.59	5.05		5.82	5.00	4.00	5.45	5.61	109/123	41/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
97	DH71600973	Quách Thanh	Hiền	D16_TC04																			7.00	6.70		6.88	5.79		7.65	7.39		6.75	6.93	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
98	DH71600657	Đỗ Hoàng	Huy	D16_TC04																			5.80	5.90	0.00	5.29	3.89		6.09	5.52	6.00	5.83	5.80	107/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
99	DH71602670	Huỳnh Như Hiếu	Kiên	D16_TC04																			7.47	7.05		7.82	6.74		7.18	6.39		6.47	7.00	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
100	DH71600270	Trần Thị Như	Liên	D16_TC04																			6.87	6.65		6.88	6.11		6.82	5.94		6.29	6.50	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
101	DH71602873	Phạm Quang	Linh	D16_TC04																			6.27	5.95		5.47	5.32	6.00	5.94	5.72	5.00	6.10	6.01	117/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
102	DH71600661	Lâm Thảo	Ngân	D16_TC04																			7.27	7.20		6.76	6.68		7.88	8.00		8.47	7.46	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
103	DH71600377	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D16_TC04																			6.33	5.35		5.12	4.79		6.41	6.38	6.67	6.41	6.10	122/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
104	DH71600989	Nguyễn Hồng Minh	Nguyệt	D16_TC04																			6.53	5.55		4.47	3.71		4.82	5.38	5.67	6.26	5.80	113/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
105	DH71603421	Huỳnh Thị Mỹ	Nương	D16_TC04																			4.80	4.45		3.59	3.38		4.29	5.00	6.67	6.26	5.20	95/123	35/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
106	DH71603462	Hồ Thị Xuân	Phới	D16_TC04																			8.00	6.50		6.06	6.26		7.18	7.61		6.76	6.88	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
107	DH71602664	Hồ Diễm	Phúc	D16_TC04																			7.87	7.65		7.88	7.63		8.71	8.72		8.29	8.10	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
108	DH71603585	Đặng Thị Hà	Phương	D16_TC04																			6.80	5.65		6.12	6.05		6.70	7.22		7.47	6.64	124/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
109	DH71602681	Phạm Như	Quỳnh	D16_TC04																			7.13	6.85		6.94	5.16		5.94	5.61	5.50	5.60	6.34	112/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
110	DH71602648	Ngô Bảo Thanh	Sơn	D16_TC04																			5.33	6.60		5.14	4.95		4.71	6.83	4.50	6.96	6.34	119/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
111	DH71601501	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	D16_TC04																			6.93	7.00		7.06	5.68		7.18	8.28	8.00	7.76	7.21	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
112	DH71602879	Nguyễn Văn	Thọ	D16_TC04																			7.27	6.75		6.94	6.68		7.00	6.22		6.82	6.80	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
113	DH71600943	Trần Minh	Tiến	D16_TC04																			6.93	6.15		6.18	5.32		6.35	5.72	6.00	6.76	6.22	120/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
114	DH71602635	Nguyễn Bảo	Trân	D16_TC04																			6.33	6.55		5.71	4.74		3.00	6.39	4.50	3.91	5.49	93/123	36/46	CCHV_2	NoHP	DKMH	DC	DH16
115	DH71600217	Chung Thị	Tú	D16_TC04																			6.60	5.70		6.29	5.19		6.82	6.30	7.00	6.47	6.38	119/123	45/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
116	DH71603884	Nguyễn Thị Phương	Tuyền	D16_TC04																			7.20	6.75		6.41	5.74		6.82	7.05		6.88	6.75	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
117	DH71600059	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D16_TC04																			6.40	7.05		6.53	5.53		6.00	5.89	8.00	6.55	6.44	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
118	DH71602305	Trần Thy Thảo	Vy	D16_TC04																			6.07	5.70		5.47	4.47		5.82	5.24	5.00	5.59	5.56	117/123	44/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
119	DH71600443	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	D16_TC04																			6.13	5.10		5.88	5.32		4.94	4.50	6.00	5.35	5.52	107/123	40/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
120	DH71601323	Thái Mỹ	ý	D16_TC04																			6.60	6.05		6.12	5.53	6.00	5.95	7.05	7.00	7.24	6.63	123/123	46/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16
121	DH71602639	Trần Thị Hải	Yến	D16_TC04																			6.00	6.40		5.47	4.95		6.00	5.19	5.50	5.09	5.76	111/123	42/46		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH16

Lưu ý:
- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ: 101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH) - KHÓA 2016

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																													TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
				101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)	(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)

103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Qui ước:

[1] NoHP:	Nợ học phí	[7] DC:	Đình chỉ học tập
[2] KoDKMH:	Không đăng ký môn học	[8] TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập
[3] CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	[9] NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
[4] BTH:	Buộc thôi học	[10] TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân
[5] CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	[11] DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[6] CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập	[*]	Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**